

Ngài Việt Hoàng Ngô có nêu ý những thực phẩm kém phẩm chất nhập cảnh từ Việt Nam.

Mới đây Cơ Quan An Toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) (1) đã từ chối, không cho nhập cảnh vào Hoa Kỳ, riêng trong tháng Tám năm 2008, 27 lô hàng mà phần lớn là thực phẩm đã chế biến, sản xuất từ Việt Nam vì lý do thiếu an toàn sức khỏe. Những loại thực phẩm này không chỉ nhập cảnh vào Bắc Mỹ (Hoa Kỳ và Canada) mà còn được nhập cảnh vào tất cả những quốc gia nào có người Việt Tị Nạn sinh sống như những nước tại Âu châu, Nhật, Úc, v.v...

Như thấy rõ ràng đây là vấn đề vô cùng liên quan đến sức khỏe của hàng triệu người Việt trên khắp thế giới, và tại Việt nam, nên chúng tôi chuyển ngữ và khuyến khích thông tin này đến tất cả quý vị, đặc biệt lưu ý các bà nội trợ, các nhà hàng. Các ông bà rầu lo chuyển nước non, chuyển quốc gia đi sống, cũng cần lưu tâm lưu ý quý phụ nhân, quý vị sẽ không thể biết được trên vấn đề lý tưởng của mình mất khi sức khỏe bản thân và gia đình có... vấn đề. Riêng bà con nhân dân trong nước và những người Việt hải ngoại và thăm thân nhân, cũng xin hết sức cảnh giác, đau ốm, nên đến thực phẩm và đi khám, chắc chắn Việt Nam là cơ mặt vấn đề không thể coi thường, đáng để cho đến khi quá muộn.

Dưới đây là danh sách các công ty và địa chỉ, các loại thực phẩm bị FDA từ chối nhập cảnh vào Hoa Kỳ (tháng Tám, 2007), lý do vì phạm các điều khoản quy định về an toàn thực phẩm.

1- Aquatic Products Trading Company, t/p HCM, Tổng đồng lập nh có địa, trên lập các chất độc bản và đặc biệt có hại cho sức khỏe (FILTHY, SALMONELLA), vì phạm các điều khoản 601(b), 801(a)(3), 402(a)(3), 402(a)(1);

2- Mai Linh Private Enterprise, Vũng Tàu, Thịt của đồng lập nh, có hóa chất phụ gia chloramphenicol (CHLORAMP) không an toàn cho sức khỏe, điều khoản 402(a)(2)(c) (i), 801(a)(3), theo định nghĩa của điều 21 U.S.C. 348;

3- Batri Seafood Factory, Bến Tre, Thịt của đồng lập nh, có hóa chất phụ gia chloramphenicol không an toàn cho sức khỏe, điều khoản 402(a)(2)(c) (i), 801(a)(3), theo định nghĩa của điều 21 U.S.C. 348;

4- Nam Hai Company Ltd, t/p HCM, có 2 sản phẩm vi phạm:

a) Thịt của nòng chim đông lạnh, có chứa nòng chim đã bị gây ngộ độc, chứa chất salmonella và hóa chất phụ gia chloramphenol (POISONOUS, CHLORAMP, SALMONELLA,) gây tai hại cho sức khỏe, vi phạm các điều khoản 402 (a) (1), 801(a)(3), 601(a), 402(a)(2)(c) (i), 402(a)(1) theo định nghĩa của luật 21 U.S.C. 348;

b) Lợn đông lạnh, có chứa chất salmonella, và nhãn ghi giả mạo (FALSE, SALMONELLA,) mất lòng tin sản phẩm khác gây hại cho người tiêu dùng, vi phạm các điều khoản 403(a)(3), 801(a)(3), 502 (a), 402 (a) (1);

5- ACECOOK VIETNAM CO...., LTD, t/p HCM, Mì ăn liền Thái có hương vị hải sản, chứa bìa có lẫn các chất độc hại và không ghi các thành phần cụ thể nên sản phẩm (LIST INGRE, FILTHY,) vi phạm các điều khoản 403 (i) (2), 801 (a) (3), 601 (b) 402 (a) (3) ;

6- Olam Vietnam Ltd, thị xã Gia Nghĩa, có 7 lô hàng bị ngăn chặn gồm Tiêu đen nguyên hạt và Tiêu đen xay đã có chứa chất Salmonella, vi phạm các điều khoản 402 (a) (1), 801 (a) (3) ;

7- Don Nguyen, t/p HCM, 3 sản phẩm thô là Đu đủ khô (Cardamon), Cam thảo (Licorice) và Quế (Cinnamon) ghi sai nhãn về hình thức và nội dung được quy định theo các điều khoản 4(a), 801(a)(3);

8- Van Nhu Seafoods Limited Company (VN Seafoods Co.), Nha Trang, Cá sòng ngân (Mackerel) cắt khúc đông lạnh, chứa bìa có lẫn các chất độc hại, lẫn lẫn các chất hóa học, điều khoản vi phạm 601(b), 801(a), 402(a)(3);

9- Nam Phong Trading Co, t/p HCM, Tiêu bột chứa chất Salmonella, theo điều khoản 402 (a) (1), 801 (a) (3) ;

10- Lucky Shing Enterprise Co Ltd, t/p HCM, Bị t ngưng c ăn li n vì ph m r t nhi u đi u kho n b nghiêm c m g m có:

- * Thi u thông tin đ y đ (NOT LISTED) v s n ph m theo đòi h i c a các đi u 502 (o), 801 (a) (3), 510 (j), 510 (k);
- * Không ghi thành t gây r i ro b nh t t hi n di n tr ong s n ph m d ng sinh (UNSFDIETLB) , theo các đi u 402 (f) (1) (A);
- * Gi m o s n ph m (FALSE) gây hi u l m, đi u 403 (a) (1), 502 (a);
- * Trên nhãn thi u thông tin đ c bi t v th c ph m dinh d ng (DIETARY,) theo đi u 403 (j);
- * Nhãn không ghi ph n ti ng Anh (NO ENGLISH,) 403 (f), 502 (c), vì ph m các đi u lu t 21 CFR 101. 15 (c), 801.15 (c) (1) và 201.15 (c) (1);
- * Th c ph m d ng sinh n y (đ c coi) là m t lo i d c ph m m i nh ng CH A có đ n xin th nghi m đ đ c ch p thu n (UNAPPROVED,) theo đi u 505 (a);

11- Nhan Hoa Co., Ltd, t/p HCM, Cá đông l nh, ch a đ c t Salmonella, vì ph m đi u 402 (a) (1), 801 (a) (3) ;

12- United Seafood Packer Co. Ltd, Th t (Fillet) cá l i ki m đông l nh, ch a đ c ch t gây ng đ c (poisonous), vì ph m đi u kho n 402 (a) (1), 801 (a) (3), 601 (a);

13- Seapimex Vietnam, t/p HCM, có 7 lô hàng v Ch của đông l nh, có hóa ch t ph gia Chloramphenol không an toàn s c kh e theo đ nh nghĩa c a đi u lu t 21 U.S.C. 348, vì ph m các đi u kho n 402 (a) (2) (c) (i), 801 (a) (3) ;

14- MY THANH CO., LTD, t/p HCM, có 5 lô hàng g m 4 s n ph m:

a) Cá h ng snapper (?) đông l nh b t ch i nh p c ng, vì ph m các đi u:

- * Ghi không đúng tên s n ph m mà là d i tên m t lo i s n ph m khác (WRONG IDEN, vì không bi t hay nh m đánh l a ng i tiêu th ? Đi u này ch có công ty s n xu t m i có th tr

l&#i !) theo đ&#i u 403 (b), 803 (a) (3);

* Thi&#u ghi chú v&# tr&#ng l&#ng hay s&# l&#ng (LACKS N/C) theo đ&#i u 403 (e) (2), 502 (b) (2);

* Nhãn sai (LABELING) v&# v&# trí, hình th&#c và n&#i dung theo đ&#i u 4 (a), 801 (a) (3);

b c) D&#a mu&#i và N&#c ch&#m chay (n&#c t&#ng: Vegetarian dipping sause) có các vi ph&#m:

* Không đăng ký là lo&#i s&#n ph&#m đóng h&#p có đ&# acid th&#p (NEEDS FCE) theo đòi h&#i c&#a đ&#i u lu&#t 21 CFR 801.25 (c) (1) ho&#c 801.35 (c) (1), vi ph&#m đ&#i u 402 (a) (4), 801 (a) (3);

* Không ghi chú thông tin v&# ti&#n trình s&#n xu&#t (NO PROCESS,) theo đòi h&#i c&#a đ&#i u lu&#t 21 CFR 801.25 (c) (2) ho&#c 801.35 (c) (2), vi ph&#m đ&#i u 402 (a) (4), 801 (a) (3);

*

d) Cá s&#ng ng&#n mu&#i (m&#m cá s&#ng) vi ph&#m:

* Đ&#c ch&#t Histamine v&#t quá li&#u l&#ng ch&#p nh&#n, gây h&#i cho s&#c kh&#e theo các đ&#i u 402 (a) (1), 801 (a) (3);

* S&#n ph&#m d&# b&#n, có ch&#a các ch&#t d&# b&#n h&#n t&#p (FILTHY) theo các đ&#i u 601 (b), 801 (a) (3), 402 (a) (3);

15- Kien Giang Ltd, t/p HCM, có 2 s&#n ph&#m là Cá nh&#ng (barracuda) và cá mang gi&# (? , Perch,) đông l&#nh, d&# b&#n, tr&#ng s&#n ph&#m có t&#p ch&#t vi ph&#m các đ&#i u 601 (b), 801 (a) (3), 402 (a) (3) ;

16- Vinh Sam Private Trade Trade Enterprise, Tuy Hòa, Cá l&#i ki&#m t&#i, có đ&#c t&# gây ng&# đ&#c, vi ph&#m các đ&#i u 402 (a) (1), 801 (a) (3), 601 (a) ;

17- Tu Hung Trading Company aka Doanh Nghiep Tntm Tu Hung, t/p HCM, có 3 s&#n ph&#m:

a) Bánh h&#nh nh&#n, nhãn không ghi các thành ph&#n nguyên li&#u t&#o nên s&#n ph&#m (LIST INGREDIENTS) vi ph&#m các đ&#i u 403 (i) (2), 801 (a) (3);

b) Bánh chay:

* Không đ ph m ch t (STD QUALITY,) nh đ c ghi trên nhãn, vi ph m đ u 403 (h) (1), 801 (a) (3)

* Nhãn hi u gi m o (FALSE,) không ghi đúng nguyên li u hay ghi sai l c gây nh m l n cho ng i tiêu th , vi ph m đ u 502 (a), 801 (a) (3);

c) Bánh tráng mè:

* Không ghi đúng tên theo đ nh nghĩa, tính ch t và tiêu chu n c a s n ph m (STD IDENT,) theo đ u 401, do đó vi ph m các đ u 403 (g) (1), 801 (a) (3) ;

* Nhãn hi u không ghi các t ch t chính y u gây d ng (ALLERGEN,) hi n di n tr ong s n ph m theo đòi h i c a các đ u 403 (w), 403 (w) (1), 801 (a) (3) ;

18- Trung Nguyen Coffee Enterprise (Cà phê Trung Nguyên), t/p HCM, Cà phê b t u ng li n "3 in 1" (túi có 20 gói), đã vi ph m các đ u:

* Không ghi thành ph n nguyên li u t o ra s n ph m (LIST INGREDIENTS,) 403 (i) (2) ;

* Nhãn hi u gi m o hay ghi chú sai l c (FALSE,) vi ph m các đ u 403 (a) (1), 801 (a) (3), 502 (a) ;

* S n ph m không cung c p đ y đ thông tin v các thành ph n dinh d ng và ch t béo (TRANSFAT,) có trong s n ph m theo đòi h i c a đ u 21 CFR 101.9 (c), vi ph m đ u 403 (q), 801 (a) (3) ;

19- Dragon Waves Frozen Food Factory Co. Ltd, Nha Trang, Cá ng (c t thành t ng mi ng) đông l nh, s n ph m d b n, nhi u t p ch t gây ng đ c, cùng v i đ c ch t Histamine v t quá li u ng ch p nh n, vi ph m các đ u 402 (a) (1), 402 (a) (3), 601 (b), và 801 (a) (3);

20- Thang Loi Frozen Food Enterprise, t/p HCM, Tôm đông l nh, có đ c ch t Salmonella, vi ph m đ u 402 (a) (1), 801 (a) (3) ;

21- Hai Dang International Trading Services Co. Ltd, t/p HCM, hóa ch t hay d c li u Lidocaine (dùng tr ong th c ph m [?], có thành ph n hóa h c là C14H22N2O,) đã vi ph m 2 đ u:

* Không liệt kê thông tin đầy đủ về sản phẩm (NOT LISTED,) theo đòi hỏi của các điều 502 (o), 801 (a) (3), 510 (j), hoặc 510 (k);

* Được liệt kê mà không xin phép kiểm nghiệm để được chấp thuận xuất khẩu (UNAPPROVED,) vì phẩm điều 505 (a), 801 (a) (3);

*

22- Chinh Dat Co., Ltd, t/p HCM, Bao t cá sấy khô, sản phẩm d b n, nhi u t p ch t, vi ph m các điều 402 (a) (3), 601 (b), và 801 (a) (3) ;

23- Vinh Hiep Co., Ltd, t/p HCM, có 2 sản phẩm:

a b) Thịt hào (ngêu, sò) hộp chín đông lạnh, và M c đông lạnh, là các sản phẩm d b n, nhi u t p ch t, vi ph m các điều 402(a)(3), 601(b), và 801(a)(3);

24- Vifaco N ong Hai San-Xay, t/p HCM, thịt c h p chín đông lạnh, chứa đ c ch t Salmonella, vi ph m điều 402 (a) (1), 801 (a) (3) ;

25- Vu ong Kim L ong Co. Ltd, t/p HCM, có 3 sản phẩm v b n khô, lo i đ c bi t, s i l n, s i nh , sản phẩm d b n và lo i ph m màu không an toàn, vi ph m các điều 601(b), 801(a)(3), 402(a)(3), 402(c), 501(a)(4)(B) .

Trên đây chỉ liệt kê điển hình một số công ty, một số sản phẩm thực phẩm bị t ch i nh p c ng vào Hoa K n i tr ong tháng T nă m 2007 mà thôi. Còn bao nhiêu công ty khác, bao nhiêu sản phẩm khác đã "l t sàng" tr c đó và sau n y? Còn bao nhiêu sản phẩm t Vi t Nam đã v t ra "bi n l n" vào Canada , Âu châu, Nh t, Úc v.v... và v.v...? Bao nhiêu tri u t n th c ph m có các ch t đ c h i đã "n m vùng" (và hoành hành) tr ong bao t ng i Vi t s ng n c ngoài và t t nhiên c và ng i dân tr ong n c?

Th nh tho ng trong n c, báo chí có loan tin h c sinh, công nhân hay ng i dân bình th ng, th p c bé mi ng b ng đ c th c ăn, nh ng không th y th ng kê s ng i ng đ c hay t v

Tác Giả: Saigon Echo sưu tầm

Thứ Hai, 12 Tháng 1 Năm 2009 22:19

ong . Tình trạng thông tin hay thông kê này đối với người Việt sống ở nước ngoài trên toàn thế giới càng hiếm hoi, có thể nói là hầu như chưa nghe thấy (vì không ai thông báo hay loan tin chứ không hẳn là không có).